

Số: / KH-STNMT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2021-2025

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. Các văn bản chỉ đạo, điều hành

Trên cơ sở bám sát với tình hình thực tế của đơn vị, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng, ban hành các văn bản về ứng dụng CNTT như sau:

- Kế hoạch số 38/KH-STNMT ngày 14/9/2015 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016-2020;

- Ban hành Quyết định số 669/QĐ-STNMT ngày 24/6/2016 về Ban hành quy chế, vận hành, khai thác hệ thống một cửa điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban hành Kế hoạch số 27/KH-STNMT ngày 24/6/2016 Tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa năm 2016;

- Ban hành Kế hoạch số 38/KH-STNMT ngày 07/9/2016 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa năm 2017;

- Ban hành Kế hoạch số 41/KH-STNMT ngày 03/11/2017 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa năm 2018;

- Ban hành Kế hoạch số 43/KH-STNMT ngày 29/9/2018 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa năm 2019;

- Ban hành Kế hoạch số 34/KH-STNMT ngày 05/8/2019 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa năm 2020;

- Ban hành các văn bản hướng dẫn, khuyến cáo về đảm bảo an toàn, an

ninh thông tin và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính như: Công văn số 6189/STNMT-CNTT ngày 20/12/2016 về đẩy mạnh việc sử dụng, khai thác phần mềm một cửa điện tử ở các đơn vị có tỷ lệ giải quyết các thủ tục hành chính thấp; Công văn số 6126/STNMT-CNTT ngày 16/12/2016 về yêu cầu khai thác sử dụng hệ thống phần mềm một cửa điện tử tại Sở; Công văn số 4640/STNMT-CNTT ngày 30/9/2016 về thực hiện các biện pháp phòng chống lây nhiễm của mã độc mã hóa tài liệu tại Sở; Công văn số 4158/STNMT-CNTT ngày 04/9/2015 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020; Công văn số 4946/STNMT-CNTT ngày 18/10/2016 về việc triển khai thực hiện một số giải pháp tăng cường đảm bảo an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin tại Sở...

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Trên cơ sở kế thừa các hạ tầng đã được đầu tư, năm 2018 Sở đã được UBND tỉnh phê duyệt Dự án: *Nâng cấp mạng LAN và Website của Sở Tài nguyên và Môi trường* theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 03/01/2018. Đến nay, hạ tầng công nghệ thông tin của Sở cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Cụ thể:

1. Về hạ tầng công nghệ thông tin.

- Hiện trạng hạ tầng CNTT tại Sở: Hệ thống mạng LAN và Internet tại Sở Tài nguyên và Môi trường được hoạt động thường xuyên 24/24 giờ, thông suốt, đảm bảo phục vụ cho các hoạt động quản lý và điều hành tại Sở; tại các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: 100% đơn vị trực thuộc Sở đã được kết nối Internet băng thông rộng. Cùng với đó, Sở cũng triển khai kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng song song để đảm bảo truyền nhận dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh

STT	Danh mục thiết bị	Số lượng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
1	Máy chủ	09	Bình thường	
2	Máy trạm	330		
2.1	Máy tính để bàn	271	Tốt	
2.2	Máy xách tay	144	Tốt	
3	Switch	15	Bình thường	
4	Máy in	85	Bình thường	
5	Số máy tính nội mạng LAN/Internet	415	Bình thường	

- Tỷ lệ máy tính/CBCC: 100%; 100% máy vi tính được kết nối mạng LAN và Internet (trừ các máy tính sử dụng để soạn thảo, lưu trữ các văn bản Mật trở lên).

2. Các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh tại đơn vị:

Để đảm bảo an toàn, an ninh mạng trong đơn vị, các máy vi tính hầu hết đều được cài đặt phần mềm diệt virus BKavPro.

III. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

- Duy trì và vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: CSDL Tài nguyên nước, CSDL đa dạng sinh học, CSDL tài nguyên môi trường biển, CSDL xâm nhập mặn, CSDL đất đai, CSDL Kho lưu trữ điện tử ngành TN&MT, Hệ thống thông tin Atlas điện tử Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa, Phần mềm quản lý hồ sơ đất đai - khoáng sản của các tổ chức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Triển khai thực hiện Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây dựng hệ thống thông tin và CSDL quản lý ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa.

- Quản lý, vận hành, nhận số liệu tại các trạm quan trắc môi trường tự động về Trung tâm điều hành và lưu trữ, truyền tin và kết nối dữ liệu quan trắc.

IV. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

1. Hiện trạng ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước

- Sở đã triển khai Hệ thống Đăng nhập tập trung, qua đó phát huy tốt tính năng của các phần mềm, cụ thể: Hệ chương trình quản lý hồ sơ công việc: đã có 100% văn bản đến và đi của Sở được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng; 100% văn bản đi của Sở đã áp dụng chữ ký điện tử từ Lãnh đạo Sở cho đến chuyên viên tham mưu; 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyên môn tại Sở thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc, 100% đơn vị trực thuộc Sở đều đã có hộp thư điện tử và triển khai thực hiện việc trao đổi thông tin qua môi trường mạng. Tuy nhiên, nhiều đơn vị chưa duy trì thường xuyên việc trao đổi thông tin qua môi trường mạng.

- Các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên ngành như: Hệ thống thống kê, kiểm kê đất đai; Phần mềm Quản lý và cấp phát tư liệu trắc địa (Geodata), phần mềm hệ thống thông tin đất đai (Vilis), phần mềm đo vẽ bản đồ địa chính (Famis), phần mềm quản lý và in bản đồ (Mapinfo), Bộ phần mềm Biên tập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (TMV. Map, TMV - Cadas), phần mềm thu thập và xử lý các đối tượng đồ họa (Microstation), phần mềm tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường (ArcGIS), phần mềm quản lý hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, phần mềm quản lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường,...

2. Hiện trạng hoạt động ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Cổng thông tin điện tử của Sở (<http://stnmt.thanhhoa.gov.vn>) hoạt động có hiệu quả, đến nay có trên 4.024.147 lượt người tham gia truy cập; thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP, Sở Tài nguyên và Môi trường đã rà soát, thực hiện cập nhật đầy đủ các nội dung như: thông tin lịch công tác, Văn bản Hướng dẫn, chỉ đạo điều hành, Thông tin về Dự án, Đấu thầu, tổ chức chuyên mục hỏi đáp về hoạt động tài nguyên và môi trường để phục vụ người dân và doanh nghiệp; các thủ tục hành chính cũng đã được đăng tải nhằm phục vụ cho các đơn vị, doanh nghiệp và nhân dân tìm hiểu.

- Sở Tài nguyên và Môi trường luôn phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Phục vụ Hành chính công trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa.

V. NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị là 415 người (bao gồm cả hợp đồng), trong đó:

- Tất cả cán bộ, công chức, viên chức đều sử dụng máy vi tính và gửi nhận văn bản qua thư điện tử.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có trình độ chuyên môn về CNTT từ cao đẳng trở lên: 15 đồng chí, chiếm 3,6%.

VI. AN TOÀN THÔNG TIN

- Sở đã trang bị 03 firewall đối với hệ thống máy chủ và hệ thống mạng LAN của Sở;

TT	Giải pháp	Số lượng	Tổng số đơn vị đã triển khai
	Tường lửa - Firewall Cisco ASA 5512-X - Firewall Cisco ASA5516-FTD-K9 - Firewall Cisco ASA 5505	3	Toàn bộ hệ thống mạng máy tính của Sở

- Hàng năm, các máy trạm dùng phục vụ công tác chuyên môn đều được trang bị phần mềm diệt Virus có bản quyền BKAV pro, Norton, Kaspersky đồng thời luôn tổ chức rà soát các lỗ hổng trên hệ thống mạng, phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Ứng cứu sự cố thuộc Sở Thông tin và Truyền thông nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố về an toàn, bảo mật thông tin của Sở.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng.

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	ĐV chủ trì, triển khai	Mục tiêu đầu tư	Thời gian triển khai	Nguồn vốn
1	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa	Sở Tài nguyên và Môi trường	Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng, khai thác thông tin cho mọi đối tượng có nhu cầu; đồng thời, làm cơ sở kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường.	2019-2020	Ngân sách địa phương (35.470.000.000đ)
2	Dự án được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 với tổng mức đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đảm bảo nhu cầu sử dụng và triển khai các phần mềm ứng dụng tin học hóa các hoạt động chuyên môn của Sở.	2018	Ngân sách địa phương (1.052.000.000đ) . Dự án đã kết thúc và được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng từ cuối tháng 12 năm 2018
3	Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc môi trường tự động, cố định tại Khu kinh tế Nghi Sơn và một số vị trí trọng điểm của tỉnh; Xây dựng trung tâm điều hành quan trắc và bổ sung trang thiết bị cho phòng thí nghiệm.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường tại Khu kinh tế Nghi Sơn và một số vị trí trọng điểm và Trung tâm điều hành phục vụ công tác quản lý nhà nước về ô nhiễm môi trường, cảnh báo tác động xấu làm ảnh hưởng đến môi trường; trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ công tác chuyên môn.	2018-2019 Kết thúc năm 2019	Ngân sách địa phương (63.448.000.000đ)

- Hàng năm, nguồn kinh phí chi thường xuyên phân bổ theo kế hoạch cho cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Căn cứ các luật do Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam ban hành gồm: Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11, ngày 29-6-2006; Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11, ngày 29-11-2005; Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, ngày 18-6-2014;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Nghị định số 63/2007/NĐ-CP ngày 10-4-2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin;

- Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá;

- Chỉ thị số 34/2008/CT-TTg, ngày 03-12-2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Chỉ thị số 15/CT-TTg, ngày 22-5-2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/04/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước";

- Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/03/2019 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Công văn số 4112/BTNMT-CNTT, ngày 01/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 3196/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử ngành tài nguyên và môi trường, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hoá, phiên bản 1.0;

- Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hoá, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

- Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hoá về Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025.

- Công văn số 1348/STTTT-CNTT ngày 30/07/2020 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh triển khai Chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong hoạt động quản lý, điều hành của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá; hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, tạo nền tảng phát triển ngành tài nguyên và môi trường, gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính, hướng tới nâng cao chất lượng, giảm chi phí hoạt động, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025.

- Triển khai kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và

phát triển kinh tế - xã hội;

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

- 100% đơn vị trực thuộc Sở có đầy đủ trang thiết bị công nghệ thông tin và hệ thống mạng LAN hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác chuyên môn.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng tại Sở Tài nguyên và Môi trường

2. Về ứng dụng CNTT trong chỉ đạo, điều hành, xây dựng Chính quyền điện tử

- 100% các dịch vụ công trực tuyến liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được thực hiện ở mức độ 4 và tích hợp lên Cổng thông tin Dịch vụ công của tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 75% trở lên; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% văn bản, hồ sơ công việc được trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật);

- 80% báo cáo định kỳ (trừ nội dung mật) của Sở được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

- 80% cuộc họp của các Sở thực hiện thông qua hệ thống phòng họp không giấy tờ.

- Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý kế hoạch - tài chính của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Triển khai đồng bộ trong toàn Sở việc ứng dụng CNTT trong một số lĩnh vực quản lý tài chính; quản lý nhân sự.

3. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Kết nối, chia sẻ các dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của ngành cho người dân, doanh nghiệp trên Cổng dữ liệu (data.thanhhoa.gov.vn) của tỉnh Thanh Hóa.

- 100% các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường do Trung ương và địa phương ban hành hàng năm và các văn bản, chỉ đạo điều hành, thông báo, kết luận của Sở, lịch công tác của Lãnh đạo Sở được đưa lên Cổng thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý và khai thác quỹ đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vận hành trên môi trường mạng Internet phục vụ công tác lãnh chỉ đạo của lãnh đạo các cấp về việc quản lý và khai thác quỹ đất.

4. Phát triển nguồn nhân lực CNTT

- 100% cán bộ công chức, viên chức thành thạo về kỹ năng sử dụng máy tính;
- 100% cán bộ chuyên trách CNTT được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ.

IV. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Tiếp tục rà soát, tham mưu bổ sung ban hành, điều chỉnh kịp thời các văn bản về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở; Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành trong tỉnh rà soát, đề nghị bổ sung các văn bản pháp luật theo quy định để hoàn thiện cơ sở pháp lý và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế ưu đãi nhằm thu hút các nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia công nghệ thông tin và an toàn an ninh thông tin giỏi làm việc cho Sở.

- Hàng năm xây dựng Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ trong năm về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước; Kế hoạch tập huấn ứng dụng CNTT ngành Tài nguyên và Môi trường cho cán bộ, công chức, viên chức Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất cấp huyện và công chức địa chính cấp xã trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch tập huấn tập trung hướng dẫn phần mềm chính quyền điện tử gồm: Chữ ký số (cài đặt, sử dụng, đăng ký, hủy bỏ...), email công vụ (cài đặt trên máy tính, điện thoại di động, khôi phục mật khẩu...), văn bản điều hành, một cửa điện tử...

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Đảm bảo hoạt động thông suốt hệ thống mạng nội bộ (LAN) và đường truyền Internet tại Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc; đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống mạng LAN tại các đơn vị hiện nay chưa hoàn chỉnh về mạng LAN, kết hợp với xây dựng, kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh.

- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT đảm bảo phục vụ tốt cho công tác chuyên môn của Sở;

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin, nâng cấp hệ thống đường truyền, hệ thống an toàn, an ninh mạng cho Trung tâm điều hành và lưu trữ, truyền tin và kết nối dữ liệu quan trắc.

3. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, xây dựng, phát triển hệ cơ sở dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tiếp tục cập nhật dữ liệu, nâng cấp bổ sung các phân hệ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa đảm bảo tích hợp các cơ sở dữ liệu nền, chuyên ngành phục vụ dùng chung của các cơ quan tỉnh và mở ra bên ngoài để các tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác, sử dụng, tạo thành một hệ sinh thái hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp xây dựng các ứng dụng thông minh.

- Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý và khai thác quỹ đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vận hành trên môi trường mạng Internet phục vụ công tác lãnh chỉ đạo của lãnh đạo các cấp về việc quản lý và khai thác quỹ đất.

- Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý kế hoạch - tài chính của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông nâng cấp, hoàn thiện Cổng dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm đến năm 2021 hầu hết thủ tục hành chính được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, kết hợp với thanh toán phí, lệ phí trực tuyến. Phân đấu đến năm 2025 có trên 65% thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến.

4. Bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng, ban hành quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Hoàn thành và áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Rà soát, cập nhật, trình phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu;

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, đơn vị; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình

thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng;

- Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo hoặc cử cán bộ phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin;

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị và người dùng Internet trên địa bàn;

- Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm.

5. Phát triển nguồn nhân lực

- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn ứng dụng CNTT ngành Tài nguyên và Môi trường cho cán bộ, công chức, viên chức Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký QSD đất cấp huyện và công chức địa chính cấp xã trên địa bàn tỉnh; tập huấn tập trung hướng dẫn phần mềm chính quyền điện tử gồm: Chữ ký số (cài đặt, sử dụng, đăng ký, hủy bỏ...), email công vụ (cài đặt trên máy tính, điện thoại di động, khôi phục mật khẩu...), văn bản điều hành, một cửa điện tử...

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn, đào tạo nhân lực cán bộ công nghệ thông tin, đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT; các lớp đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ công chức, viên chức trong việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước theo lộ trình xây dựng chính quyền điện tử, đáp ứng yêu cầu hội nhập và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

V. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng ủy, Giám đốc Sở, nâng cao nhận thức về vai trò ứng dụng công nghệ thông tin

- Tăng cường tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương về ứng dụng và phát triển CNTT, nhất là Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01-7-2014 của Bộ Chính trị khóa XI, Chỉ thị số 15/CT-TTg, ngày 22-5-2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Kế hoạch số 111/KH-UBND, ngày 30-7-2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 15-4-2015 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01-7-2014 của Bộ Chính trị, cũng như nâng cao nhận thức về các lợi ích của việc ứng

dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ, Giám đốc Sở đối với công tác ứng dụng công nghệ thông tin một cách thiết thực, hiệu quả, góp phần đổi mới lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính trong Sở, nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành, tham mưu trong cơ quan Sở.

- Bí thư các Chi bộ, người đứng đầu các đơn vị thuộc Sở phải quan tâm chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của tổ chức, đơn vị phụ trách. Trưởng các đơn vị thuộc Sở, bí thư các chi bộ trực thuộc chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng uỷ và Giám đốc Sở về kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao về ứng dụng CNTT trong hoạt động thuộc cơ quan.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở và các đơn vị thuộc Sở phải theo thứ tự ưu tiên dựa trên nhu cầu thực tế, bảo đảm hiệu quả, khả thi, thiết thực và tiết kiệm.

2. Giải pháp môi trường chính sách

- Rà soát và ban hành các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động ứng dụng CNTT trong phạm vi ngành Tài nguyên và Môi trường;

- Các đơn vị trong ngành tạo điều kiện thuận lợi về môi trường làm việc, quan tâm về các chế độ chính sách theo quy định để thu hút và động viên đội ngũ cán bộ có trình độ về CNTT yên tâm công tác tại các đơn vị;

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ CNTT.

3. Giải pháp triển khai

- Đầu tư trọng tâm, trọng điểm, gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng CNTT trong ngành; tại từng cơ quan, đơn vị trực thuộc với cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách hành chính trong cung cấp dịch vụ công.

- Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị với kết quả ứng dụng CNTT và cải cách hành chính, xem đây là một trong những nội dung, tiêu chí để đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của từng cơ quan, đơn vị.

- Đưa các tiêu chí, nội dung ứng dụng CNTT vào trong kế hoạch phát triển sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường và của từng đơn vị trực thuộc.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động ứng dụng CNTT và đảm bảo an ninh thông tin và an toàn dữ liệu trong ngành tài nguyên và môi

trường.

4. Đào tạo nguồn nhân lực

Cần phải nâng cao trình độ, kỹ năng ứng dụng CNTT cho tất cả công chức, viên chức thuộc Sở bằng việc mỗi CBCCVC phải tự rèn luyện, học tập nâng cao trình độ hiểu biết về CNTT và kỹ năng ứng dụng CNTT vào công tác chuyên môn. Đồng thời, Sở phải phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan mở các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng quản trị, sử dụng, ứng dụng CNTT cho CBCCVC thuộc Sở nhằm quản trị, khai thác hiệu quả thiết bị CNTT, các phần mềm ứng dụng, các CSDL hiện đang quản lý tại Sở; song song với đó là phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo mật hệ thống cũng như các phần mềm dùng chung đã và sẽ được triển khai theo hướng dẫn của Trung ương sau này.

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trao đổi kinh nghiệm về chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin cho lãnh đạo Sở, Bí thư các đảng bộ, Chi bộ trực thuộc, Trưởng các đơn vị thuộc Sở.

- Tăng cường tập huấn, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trong Sở; trang bị kiến thức cơ bản và kỹ năng nghiệp vụ để sử dụng, khai thác các ứng dụng chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn, giảm sử dụng giấy tờ và thời gian vận chuyển tài liệu. Đẩy mạnh hình thức đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, tập huấn nghiệp vụ, kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp; đặc biệt, nâng cao kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Đối tượng đào tạo, tập huấn được phân chia như sau:

- **Đối tượng 1:** cán bộ lãnh đạo, chuyên viên và nhân viên nghiệp vụ trong diện đào tạo, tập huấn; bao gồm toàn bộ cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ thuộc Sở;

- **Đối tượng 2:** cán bộ quản trị mạng và cán bộ quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành: gồm 18 cán bộ;

- **Đối tượng 3:** Cán bộ làm công tác tài chính thuộc cơ quan Sở, các đơn vị thuộc Sở thuộc gồm 16 cán bộ;

5. Giải pháp tổ chức

Mỗi đơn vị trực thuộc phân công một lãnh đạo phụ trách công tác CNTT. Củng cố đội ngũ chuyên trách CNTT tại các đơn vị, đảm bảo đủ về số lượng và

có chất lượng. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở khuyến khích hợp đồng với Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở để bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và các trang thiết bị công nghệ thông tin.

6. Giải pháp tài chính

- Hàng năm báo cáo UBND tỉnh cân đối, bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường để triển khai đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi toàn ngành.

- Các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí thường xuyên hàng năm và các nguồn thu để nâng cấp, hoàn chỉnh hệ thống mạng LAN, mạng internet và nâng cấp trang thiết bị CNTT tại đơn vị, xây dựng Trang thông tin điện tử và triển khai các phần mềm cục bộ.

- Tranh thủ huy động các nguồn kinh phí từ các dự án, nhiệm vụ được giao đang triển khai trong ngành Tài nguyên và Môi trường cho các hoạt động ứng dụng CNTT.

- Đề nghị tỉnh hỗ trợ một phần vốn sự nghiệp phát triển CNTT cho ngành Tài nguyên và Môi trường.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

TT	Tên nội dung/ Dự án	Phân công nhiệm vụ		Thời gian thực hiện	Lộ trình thực hiện
		Bộ phận chủ trì	Bộ phận phối hợp		
1	Đảm bảo hoạt động thông suốt hệ thống mạng nội bộ (LAN) và đường truyền Internet tại Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc	Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị trực thuộc Sở	-	Hàng năm	Hàng năm
2	Nâng cấp hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa (Giai đoạn 2)	Trung tâm Công nghệ thông tin	-	2022	2022-2025
3	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT đảm bảo phục vụ cho	Phòng TCKH Sở và	-	Hàng năm	Hàng năm

	công tác chuyên môn	các đơn vị trực thuộc			
4	Phát huy tối đa các tính năng của Hệ thống Đăng nhập tập trung của Tỉnh đến các đơn vị trong toàn Sở.	Trung tâm Công nghệ thông tin	Các đơn vị trực thuộc	Hàng năm	Hàng năm
5	Tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử của Tỉnh trong việc cung cấp, trao đổi thông tin giữa Sở với UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh	Văn phòng Sở, Trung tâm Công nghệ thông tin	-	Hàng năm	Hàng năm
6	Triển khai một số phần mềm trong phạm vi toàn ngành: Quản lý nhân sự; quản lý tài chính - kế hoạch; Kiểm kê, thống kê đất đai TK-Online, ...	Văn phòng Sở, Trung tâm CNTT	Các đơn vị trực thuộc có liên quan	Hàng năm	Hàng năm
7	Tiếp tục triển khai cập nhật các Dịch vụ công trực tuyến vào phần mềm.	Văn phòng Sở	Trung tâm CNTT, các đơn vị có liên quan	Hàng năm	Hàng năm
8	Đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT cho công chức, viên chức để phục vụ cho các hoạt động chuyên môn.	Các đơn vị trực thuộc Sở	Trung tâm Công nghệ thông tin	Hàng năm	Hàng năm
9	Dự án Đầu tư mở rộng tăng cường năng lực các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và bổ sung	Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường	Trung tâm CNTT, các đơn vị có liên quan	2021	2021-2022

	trang thiết bị phòng thí nghiệm (giai đoạn 2)				
--	--	--	--	--	--

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí:

- Kinh phí thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2021-2025 cơ bản là nguồn ngân sách địa phương.

- Huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Tổng kinh phí khái toán (làm tròn): 62.550 triệu đồng.

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021-2025: **62.550.000.000 đồng** (Sáu mươi hai tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng). Nguồn kinh phí bao gồm: ngân sách nhà nước; kinh phí của các đơn vị trực thuộc; nguồn huy động khác.

(có phụ lục 01 gửi kèm theo)

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể đã được phân công, xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2021-2025 tại đơn vị mình gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường; đồng thời hàng năm xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện. Định kỳ (6 tháng và năm) báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường qua Trung tâm Công nghệ thông tin để theo dõi, chỉ đạo và tổng hợp báo cáo lên cấp trên theo quy định.

- Giao Trung tâm Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Sở TT&TT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị thuộc Sở (đề t/h);
- Lưu: VT, TTCNTT, Datnv.

GIÁM ĐỐC

Đào Trọng Quy

Phụ lục 1
KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-STNMT, ngày / /2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: triệu đồng VN

TT	Tên nhiệm vụ	Tổng vốn	Nguồn vốn
1	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT đảm bảo phục vụ cho công tác chuyên môn; Kinh phí xây dựng hệ thống mạng LAN tại các đơn vị trực thuộc.	3.500	Ngân sách nhà nước
2	Nâng cấp hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 2)	30.200	Ngân sách nhà nước và huy động khác
3	Dự án Đầu tư mở rộng tăng cường năng lực các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và bổ sung trang thiết bị phòng thí nghiệm (giai đoạn 2)	28.600	Ngân sách nhà nước và huy động khác
4	Đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức CNTT cho công chức, viên chức để phục vụ cho các hoạt động chuyên môn.	250	Ngân sách nhà nước và huy động khác
	Tổng cộng	62.550	